

Thứ tư, ngày 11 tháng 3 năm 2020

Vietnam Daily Review

Thị trường giảm điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 12/3/2020	•		
Tuần 9/3-13/3/2020	•		
Tháng 3/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sự hồi phục của thị trường chứng khoán Mỹ và giá dầu trước giờ giao dịch phần nào hỗ trợ VN-Index lấy lại được sắc xanh ngay từ đầu phiên sáng. Tuy vậy, áp lực bán tại một số mã cổ phiếu trụ cột thị trường như VCB, VHM, BID, VIC, GAS đã nhanh chóng kéo VN-Index lùi sâu xuống dưới mốc tham chiếu. Trong phiên chiều, chỉ số tiếp tục rơi rộng đà giảm và có lúc đã để mất ngưỡng 800 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về bên bán với 296 mã giảm giá; trong nhóm VN30 có đến 4 cổ phiếu giảm sàn. Trong bối cảnh dịch SARS-CoV-2 lan rộng trên toàn cầu, các nước phát triển đã bắt đầu đưa ra các biện pháp hỗ trợ: Mỹ đã có đề xuất về gói cắt giảm thuế thu nhập, NHTW Anh trong hôm nay cũng hạ lãi suất khẩn thêm 0.5%.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. VN30 có thể tiếp tục dò đáy trong những phiên tiếp theo. Hỗ trợ gần nhất của VN30 quanh 830-840 điểm.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 11/03/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm tiêu cực theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch duy trì tại mức cao.

Danh mục i-Invest: Theme_Ngành Dược_ -1.1%. 6/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngành Dược** - là nhóm cổ phiếu có tính phòng thủ, thích hợp cho đầu tư dài hạn, đặc biệt, trong giai đoạn thị trường biến động xấu - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng -1.1%, con số này của VNINDEX là -3.1%.

Phân tích kỹ thuật: SHB_Hưng phần trở lại (Trang 3)

Cập nhật iBroker: AAA, STK, DRC

Điểm nhấn

- VN-Index **-26.15 điểm**, đóng cửa 811.35. HNX-Index **-0.68 điểm**, đóng cửa 105.52.
- Kéo chỉ số tăng: **VND (+0.06); QCG (+0.04); VCF (+0.04); SHP (+0.04); BSI (+0.02)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-3.32); VCB (-3.12); GAS (-2.52); CTG (-1.38); TCB (-1.37)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,106 tỷ đồng**, +12% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 50.4 điểm. Thị trường có **77 mã tăng**, 41 mã tham chiếu và **296 mã giảm**.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **245.76 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm HPG (59.70 tỷ), VJC (57.23 tỷ) và E1VFN30 (47.84 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **14.84 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

811.35

Giá trị: 4106.33 tỷ

-26.15 (-3.12%)

Khối ngoại (ròng): -245.76 tỷ

HNX-INDEX

105.52

Giá trị: 778.37 tỷ

-0.68 (-0.64%)

Khối ngoại (ròng): -17.25 tỷ

UPCOM-INDEX

52.48

Giá trị: 0.29 tỷ

-0.93 (-1.74%)

Khối ngoại (ròng): -21.97 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	33.7	-1.83%
Giá vàng	1,660	0.62%
Tỷ giá USD/VND	23,190	-0.06%
Tỷ giá EUR/VND	26,223	-0.29%
Tỷ giá JPY/VND	22,029	0.28%
LS liên NH 1 tháng	2.8%	3.38%
LS TPCP 5 năm	1.8%	-1.29%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	123.6	HPG	60.1
CTG	25.6	VJC	57.1
PHR	13.3	E1VFN30	47.8
SAB	5.6	VRE	42.8
DHC	4.6	GAS	37.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

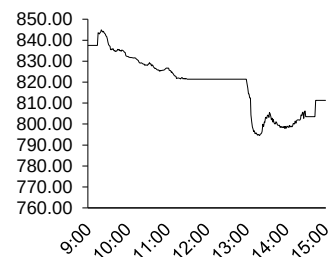
[Link](#)
[Link](#)

* **6/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngành Dược** - là nhóm cổ phiếu có tính phòng thủ, thích hợp cho đầu tư dài hạn, đặc biệt, trong giai đoạn thị trường biến động xấu - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng - 1.1%, con số này của VNINDEX là -3.1%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **0/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**
- **2/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

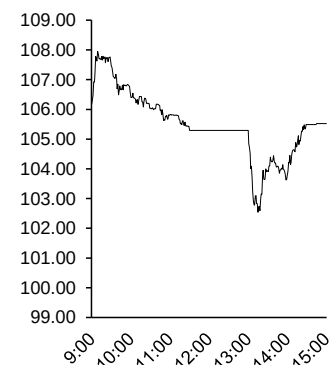
BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review

11/3/2020

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngành Dược_-1.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Ngành Dược	-1.1%	-3.4%	-8.3%	-4.5%	0.9%	-1.4%	30.8%	17.9%
FTSE Việt Nam	-1.3%	-6.1%	-11.1%	-15.6%	-16.0%	-17.3%	49.7%	15.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-2.2%	-6.1%	-7.7%	-9.5%	-8.4%	-6.7%	26.8%	14.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-2.3%	-7.4%	-12.3%	-17.6%	-18.4%	-20.1%	40.0%	14.2%
BDS & Khu công nghiệp	-3.0%	-8.6%	-10.6%	-16.3%	-17.9%	-16.5%	19.9%	16.4%
Chiến tranh thương mại	-3.0%	-9.2%	-9.7%	-17.4%	-21.8%	-19.4%	-10.6%	16.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	-3.2%	-9.2%	-11.2%	-13.8%	-15.3%	-14.5%	25.7%	15.1%
Nước & Năng lượng	-3.3%	-11.1%	-12.8%	-20.7%	-23.0%	-22.8%	16.5%	14.9%
Xây dựng	-3.5%	-9.0%	-8.4%	-15.5%	-24.8%	-33.1%	-17.6%	18.7%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-3.5%	-9.1%	-10.4%	-12.8%	-12.3%	-9.4%	36.0%	15.8%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-3.6%	-9.1%	-11.1%	-18.0%	-17.4%	-29.1%	13.2%	21.5%
Vật liệu Xây dựng	-3.9%	-9.0%	-10.9%	-16.0%	-14.0%	-16.0%	-10.9%	19.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	-4.3%	-11.1%	-10.3%	-11.3%	-11.0%	-2.9%	38.2%	17.6%
Lãi suất giảm	-4.3%	-10.3%	-12.1%	-13.1%	-16.2%	-20.2%	21.3%	18.0%
Hàng tiêu dùng	-4.4%	-9.1%	-10.2%	-17.5%	-22.3%	-19.2%	22.4%	18.0%
Dầu khí	-4.6%	-15.7%	-19.5%	-29.6%	-32.5%	-34.1%	-18.7%	23.4%
VN Diamond	-4.9%	-11.9%	-10.5%	-9.1%	-8.7%	-0.6%	37.0%	17.5%
VN FinSelect	-5.0%	-10.7%	-10.8%	-4.1%	-1.4%	-4.9%	24.5%	18.4%
Ngân hàng	-5.0%	-11.1%	-11.5%	-2.3%	1.8%	4.6%	61.9%	21.9%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-5.2%	-11.8%	-12.3%	-9.6%	-7.9%	5.8%	68.3%	19.7%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-5.4%	-11.4%	-12.1%	-3.2%	0.2%	-2.9%	30.6%	19.9%

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	0.0%
Bất động sản	-0.7%
Y tế	-0.7%
Hóa chất	-0.9%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.2%
Thực phẩm và đồ uống	-1.5%
Công nghệ Thông tin	-1.9%
Xây dựng và Vật liệu	-2.4%
Dịch vụ tài chính	-3.0%
Tài nguyên Cơ bản	-4.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-4.3%
Truyền thông	-4.5%
Du lịch và Giải trí	-4.6%
Ngân hàng	-4.7%
Bảo hiểm	-5.0%
Ô tô và phụ tùng	-5.2%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-5.2%
Bán lẻ	-6.5%
Dầu khí	-6.6%

Nguồn: FinPro

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 13	-3.2%	-9.0%	-10.9%	-14.4%	-14.3%	-5.4%	38.4%	15.6%
Danh mục 2	-3.3%	-8.8%	-12.2%	-14.0%	-15.1%	-10.5%	72.8%	16.4%
Danh mục 10	-3.4%	-9.5%	-11.4%	-13.5%	-12.5%	1.7%	55.4%	17.2%
Danh mục 18	-5.1%	-12.4%	-15.7%	-14.5%	-12.9%	-16.3%	65.9%	19.9%
Danh mục 6	-5.6%	-13.1%	-11.7%	-13.9%	-14.8%	-10.9%	37.8%	20.6%
* Note	0/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

* Note **0/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 19	-2.1%	-8.5%	-9.6%	-12.0%	-11.5%	-1.9%	34.8%	15.8%
Danh mục 21	-2.5%	-8.6%	-9.1%	-11.1%	-11.1%	-3.2%	36.0%	16.2%
Danh mục 20	-3.3%	-9.6%	-9.6%	-13.8%	-12.3%	-4.1%	46.9%	17.3%
Danh mục 23	-4.7%	-11.4%	-12.3%	-17.4%	-14.0%	-14.3%	26.1%	17.2%
Danh mục 24	-5.7%	-12.8%	-15.1%	-13.7%	-13.5%	-8.2%	33.8%	19.5%
* Note	07 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 02 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất của VNINDEX							

* Note **2/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX								
VNINDEX	-3.1%	-8.8%	-13.2%	-15.8%	-16.7%	-17.7%	14.4%	15.7%
VN30INDEX	-4.0%	-9.5%	-11.5%	-13.8%	-14.4%	-17.1%	15.6%	16.2%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Phân tích kỹ thuật

SHB_Hưng phần trở lại

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50 và dưới vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 nằm trên EMA26.

Nhận định: SHB thời gian vừa qua đã ở trong trạng thái tăng giá bùng nổ khi đã tăng hơn 100% từ nền giá 5 để trở lại khu vực trên mệnh giá 10. Tuy 3 phiên trước đó cổ phiếu đã giảm theo đà giảm chung của thị trường nhưng hôm nay, sự hưng phấn đã quay trở lại và đẩy SHB tăng kịch trần. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn đang ở trong trạng thái tích cực. Chỉ báo động lượng RSI đang ở dưới vùng quá mua cho thấy đà tăng của cổ phiếu có thể được duy trì trong những phiên tới. Các đường EMA đang tạo thành dải hỗ trợ mềm nâng đỡ giá cổ phiếu khá tốt với lực cầu bắt đáy xuất hiện tại vùng giá 10. Theo đánh giá của chúng tôi, SHB tiềm năng sẽ tiếp cận trở lại khu vực giá xung quanh 13.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 11/3/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 11/3	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	35.46	3.29%	-24.13%	-29.79%	-39.33%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	38.63	3.79%	-24.45%	-27.89%	-41.69%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	118.86	2.72%	-23.59%	-29.15%	-33.96%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1658.53	0.55%	1.32%	5.49%	25.47%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.07	1.02%	-0.87%	-3.94%	9.83%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	882.75	0.74%	-2.70%	-1.37%	-7.54%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	521.50	-0.14%	0.63%	-6.33%	3.94%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.33	0.18%	-0.06%	-5.22%	3.68%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	165.70	1.53%	-2.82%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.59	-0.16%	-8.50%	-13.41%	-9.03%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	114.35	4.72%	-6.42%	13.95%	1.28%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5566.00	0.56%	-1.77%	-1.71%	-14.00%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3490.00	0.72%	1.16%	5.95%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1697.00	0.59%	-1.45%	-1.68%	-9.40%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	662.00	1.30%	1.61%	14.48%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	65.05	0.23%	-2.98%	-7.40%	-23.87%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu Brent tăng 8.3% lên 37.22 USD/thùng, trong khi dầu WTI tăng 10.4% lên 34.36 USD/thùng.
- Giá dầu Brent đã tăng 10% với hy vọng một thỏa thuận cắt giảm nguồn cung sẽ làm xoay chuyển tình thế trên thị trường này, và hầu hết các lợi suất trái phiếu chính phủ cũng tăng từ mức thấp kỷ lục khi các chính phủ đồng loạt đưa ra những biện pháp nhằm giảm thiểu tác động của dịch bệnh đối với nền kinh tế.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 1.6% xuống 1,653.33 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4 của Mỹ đóng cửa giảm 0.9% xuống 1,660.3 USD/ounce. Dự báo các biện pháp kích thích kinh tế trên toàn cầu nhằm giảm tác động từ Covid-19 khiến nhà đầu tư chuyển hướng sang mua trái phiếu cũng như các tài sản khác có độ rủi ro cao hơn.
- Ngân hàng trung ương Mỹ đã cắt giảm lãi suất khẩn cấp trong tuần trước, và dự kiến sẽ tiếp tục giảm lãi suất thêm một lần nữa trong kỳ họp tới (vào 18/3). Ngân hàng trung ương Châu Âu đang đối mặt với sức ép lớn và sẽ thể hiện trong quyết sách ở kỳ họp sẽ diễn ra vào ngày mai, 12/3.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 5 giảm 0.02 US cent xuống 12.59 US cent/lb do dự báo Brazil sẽ tăng cường sản xuất ethanol khi giá dầu tăng. Đường trắng kỳ hạn tháng 5 nhích nhẹ 6.2 USD (1.7%) lên 361.8 USD/tấn.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 5 đóng cửa tăng 5.15 US cent (4.7%) lên 1.1435 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 5 tăng 32 USD (2.6%) lên 1,279 USD/tấn.

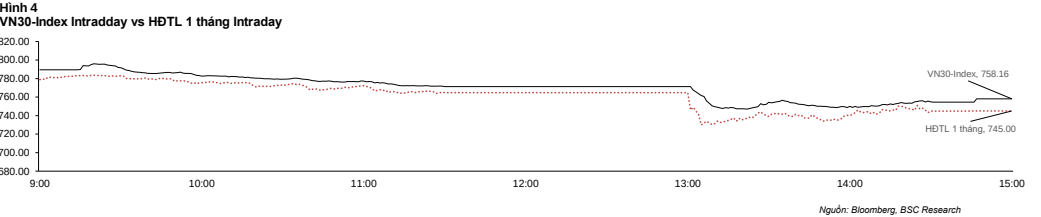
Giá cao su

- Hợp đồng cao su TOCOM kỳ hạn tháng 8 tăng 5.4 JPY (3.4%) lên 163.2 JPY (1.56 USD)/kg. Cao su kỳ hạn tháng 5 trên sàn giao dịch Thượng Hải tăng 420 CNY lên 10,700 CNY (1,540 USD)/tấn.
- Giá cao su trên thị trường Tokyo tăng trên 3% trong phiên vừa qua, lấy lại một phần những gì đã mất ở phiên giao dịch liền trước, do số ca nhiễm virus mới ở Trung Quốc tiếp tục giảm, làm dấy lên hy vọng nhu cầu cao su sẽ sớm tăng lên.

Giá sắt thép

- Quặng sắt trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên kết thúc phiên tăng 4.9% lên 662.50 CNY (95.49 USD)/tấn. Lượng quặng lưu kho tại các cảng biển Trung Quốc tiếp tục giảm, so với đầu năm hiện thấp hơn 3.4%, chỉ còn 126.25 triệu tấn tính tới 6/3/2020. Đó là do các nhà máy thép ở nước này trở lại hoạt động sau thời gian bị gián đoạn bởi dịch bệnh.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2003	745.00	-4.67%	-13.16	2.3%	212,493	3/19/2020	10
VN30F2004	750.60	-6.99%	-7.56	27.2%	1,386	4/16/2020	38
VN30F2006	745.10	-5.78%	-13.06	-9.1%	199	6/18/2020	101
VN30F2009	747.40	-4.39%	-10.76	20.4%	165	9/17/2020	192

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm mạnh -31.35 điểm xuống mức 758.16 điểm. Trong điều chỉnh giảm chung của thị trường, các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, VJC, MWG, và HPG tác động mạnh nhất đến điều chỉnh giảm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 giảm tiêu cực xuống gần 770 điểm. Sang phiên chiều, VN30 giảm mạnh đầu phiên xuống dưới 750 điểm, trước khi phục hồi lên gần 760 điểm cuối phiên. Thanh khoản duy trì tại mức cao, VN30 có thể tiếp tục dò đáy trong những phiên tiếp theo. Hỗ trợ gần nhất của VN30 quanh 830-840 điểm.

- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2004, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2003 và VN30F2006 đang giảm, trong khi VN30F2004 và VN30F2009 đang tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn và hồi phục trong dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	44	5:1	628,390	126.3%	2.0 triệu	24.19%	2,200	500	8.70%	5.00	100.00
CVNM2001	HSC	6/22/2020	103	10:1	105,480	0.0%	5.0 triệu	22.70%	1,700	490	6.52%	74.60	6.57
CVNM1903	SSI	4/22/2020	42	3:1	127,760	108.6%	1.0 triệu	22.70%	26,600	1,610	5.23%	56.30	28.60
CFPT2002	VCSC	7/22/2020	133	2:1	67,750	479.1%	1.0 triệu	25.25%	2,900	1,290	-8.51%	531.40	2.43
CTCB1902	VND	6/5/2020	86	1:1	108,910	4.0%	2.0 triệu	26.78%	5,300	1,500	-11.24%	465.20	3.22
CFPT2001	HSC	6/22/2020	103	5:1	130,410	42.9%	5.0 triệu	25.25%	1,600	650	-13.33%	229.20	2.84
CFPT1905	SSI	4/22/2020	42	1:1	48,100	5.9%	1.0 triệu	25.25%	9,900	2,500	-13.49%	484.20	5.16
CMSN2001	KIS	12/16/2020	280	5:1	69,310	-15.2%	2.0 triệu	29.80%	2,300	1,320	-14.29%	285.20	4.63
CFPT1908	MBS	6/17/2020	98	3:1	210,640	-54.7%	2.4 triệu	25.25%	3,150	1,180	-18.62%	546.80	2.16
CSTB2002	KIS	12/16/2020	280	3:1	23,310	4382.7%	3.0 triệu	26.56%	1,700	1,850	-19.57%	667.90	2.77
CVPB2001	HSC	6/22/2020	103	3:1	47,840	-87.0%	5.0 triệu	29.74%	1,500	2,680	-20.71%	2,313.00	1.16
CSTB2001	KIS	6/19/2020	100	1:1	577,780	n/a	5.0 triệu	26.56%	1,500	1,220	-22.29%	498.20	2.45
CVRE2001	KIS	9/21/2020	194	4:1	112,770	-33.5%	8.0 triệu	26.65%	1,500	350	-23.91%	30.00	11.67
CMBB2001	HSC	6/22/2020	103	3:1	186,820	14.1%	5.0 triệu	24.01%	1,600	540	-25.00%	99.80	5.41
CVPB2002	VPBS	4/8/2020	28	2:1	4,680	70.8%	2.0 triệu	29.74%	1,000	2,000	-28.57%	1,991.70	1.00
CHPG2003	MBS	5/4/2020	54	3:1	434,190	16.0%	6.0 triệu	28.17%	1,570	360	-30.77%	0.10	3,600.00
CHPG1907	SSI	4/22/2020	42	1:1	69,190	-29.1%	1.0 triệu	28.17%	4,200	1,240	-33.69%	633.00	1.96
CHDB2002	MBS	4/10/2020	30	2:1	477,080	77.4%	1.5 triệu	25.89%	1,950	480	-39.24%	123.00	3.90
CHPG1909	KIS	5/15/2020	65	2:1	618,800	106.2%	5.0 triệu	28.17%	1,800	250	-40.48%	41.80	5.98
CMWG2002	MBS	4/24/2020	44	10:1	401,440	85.2%	2.0 triệu	26.70%	1,950	300	-43.40%	55.50	5.41
CMWG2001	HSC	6/22/2020	103	10:1	647,510	1.3%	5.0 triệu	26.70%	1,700	220	-43.59%	18.20	12.09
Tổng:					5,098,160		69.90 triệu	26.39%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 11/03/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm tiêu cực theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch duy trì tại mức cao.

- Về giá, CHPG1907 và CVPB2002 giảm mạnh lần lượt là -33.69% và -28.57%. Thanh khoản giảm nhẹ -0.62%. CMWG1907 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.91% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2003 và CVPB2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2002 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhqt@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
NVL	53.00	0.00	0.00
VHM	76.50	0.00	0.00
VNM	101.60	-0.10	-0.08
REE	29.85	-1.49	-0.11
ROS	6.05	-6.64	-0.15

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	19.3	-6.76	-4.34
VPB	24.2	-6.92	-4.19
VJC	106.5	-6.99	-2.86
MWG	87.4	-6.92	-2.61
HPG	20.6	-5.08	-2.49

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPNJ2001	94,500	83,500	68,600
CVNM2001	137,000	120,000	101,600
CVNM1903	145,580	118,980	101,600
CFPT2002	63,800	58,000	50,800
CTCB1902	26,300	21,000	19,300
CFPT2001	64,000	56,000	50,800
CFPT1905	64,900	55,000	50,800
CMSN2001	77,289	65,789	49,950
CFPT1908	63,450	54,000	50,800
CSTB2002	13,588	11,888	10,650
CVPB2001	23,000	20,000	24,200
CSTB2001	12,499	10,999	10,650
CVRE2001	42,789	36,789	26,000
CMBB2001	24,200	21,000	18,200
CVPB2002	22,300	20,300	24,200
CHPG2003	26,810	22,100	20,550
CHPG1907	25,200	21,000	20,550
CHDB2002	29,900	26,000	24,500
CHPG1909	28,280	24,680	20,550
CMWG2002	129,500	110,000	87,400
CMWG2001	132,000	115,000	87,400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	87.4	-6.9%	0.8	1,722	6.2	8,655	10.1	3.2	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	68.6	-6.9%	1.1	672	3.7	5,361	12.8	3.4	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	45.6	-6.4%	1.3	1,472	0.7	1,632	27.9	1.8	29.3%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	29.8	-3.2%	0.7	299	0.0	2,623	11.4	1.0	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	97.0	-0.7%	0.9	14,265	4.4	2,268	42.8	4.3	14.7%	11.7%
VRE	Bất động sản	26.0	-1.5%	1.1	2,569	4.6	1,253	20.7	2.2	32.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.0	0.0%	0.8	2,234	1.8	3,552	14.9	2.3	6.4%	16.6%
REE	Bất động sản	29.9	-1.5%	1.0	402	1.5	5,286	5.6	0.9	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	11.8	-6.3%	1.6	268	2.1	2,850	4.1	0.9	43.3%	20.3%
SSI	Chứng khoán	14.5	-6.8%	1.4	327	2.3	1,787	8.1	0.8	53.5%	9.9%
VCI	Chứng khoán	23.9	-6.3%	1.0	171	0.1	4,218	5.7	1.0	35.2%	18.0%
HCM	Chứng khoán	15.2	-6.7%	1.9	202	1.1	1,421	10.7	1.1	54.8%	11.7%
FPT	Công nghệ	50.8	-1.7%	0.8	1,498	6.1	4,631	11.0	2.5	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	46.4	-0.4%	0.4	502	0.0	4,812	9.6	2.5	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	63.8	-6.9%	1.5	5,309	2.9	6,096	10.5	2.5	3.6%	25.5%
PLX	Dầu khí	40.9	-6.6%	1.5	2,118	0.7	3,495	11.7	2.1	13.4%	19.6%
PVS	Dầu khí	12.0	-7.0%	1.5	249	2.8	1,529	7.8	0.5	19.2%	6.2%
BSR	Dầu khí	7.1	-1.4%	0.8	957	1.3	1,163	6.1	0.7	41.1%	11.0%
DHG	Dược	89.4	-0.1%	0.4	508	0.1	4,668	19.2	3.5	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.8	-2.9%	0.6	201	0.6	774	15.2	0.6	18.8%	4.7%
DCM	Hóa chất	5.9	-0.8%	0.6	135	0.1	600	9.8	0.5	2.1%	5.2%
VCB	Ngân hàng	77.0	-3.6%	1.2	12,417	6.0	5,004	15.4	3.3	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	39.5	-7.0%	1.6	6,899	2.7	2,398	16.5	2.1	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	23.2	-5.3%	1.4	3,756	8.8	2,541	9.1	1.1	29.6%	13.2%
VPB	Ngân hàng	24.2	-6.9%	1.2	2,565	6.9	3,370	7.2	1.4	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	18.2	-5.0%	1.1	1,908	6.5	3,476	5.2	1.1	21.5%	22.1%
ACB	Ngân hàng	23.4	-3.3%	1.2	1,685	8.0	3,686	6.3	1.4	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	39.4	-1.7%	0.9	140	0.3	5,165	7.6	1.3	79.3%	17.2%
NTP	Nhựa	28.2	-0.4%	0.3	120	0.0	4,167	6.8	1.1	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.7	0.0%	1.0	632	0.0	732	20.1	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	20.6	-5.1%	1.1	2,467	7.7	2,581	8.0	1.2	38.3%	17.0%
HSG	Thép	6.6	-6.8%	1.8	121	1.6	1,161	5.6	0.5	18.0%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	101.6	-0.1%	0.8	7,692	10.2	5,478	18.5	6.4	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	152.0	-2.1%	0.8	4,238	0.5	7,477	20.3	5.2	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	50.0	-4.7%	1.2	2,539	5.8	4,772	10.5	1.4	38.3%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	18.3	-4.4%	0.3	467	2.3	508	36.1	1.5	6.8%	4.4%
ACV	Vận tải	57.9	1.0%	0.8	5,480	0.6	2,630	22.0	4.1	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	106.5	-7.0%	1.1	2,426	3.2	7,889	13.5	3.6	19.4%	28.7%
HAV	Vận tải	22.6	-2.0%	1.7	1,391	0.9	1,640	13.8	1.8	9.8%	12.8%
GMD	Vận tải	17.7	-1.7%	0.9	229	0.3	1,595	11.1	0.9	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	10.5	-5.0%	0.6	128	0.7	2,421	4.3	0.7	30.6%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	60.0	-4.6%	1.1	417	1.0	8,824	6.8	2.8	2.5%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.8	-0.6%	0.6	346	0.2	1,454	12.2	1.2	13.2%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	12.8	-4.5%	0.8	212	0.1	1,953	6.6	0.9	6.5%	14.2%
CTD	Xây dựng	60.5	-6.9%	1.0	201	1.2	8,858	6.8	0.5	46.7%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.0	1.2%	0.9	480	0.1	1,567	16.0	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	21.5	-2.1%	0.4	232	0.3	2,769	7.8	0.9	49.8%	12.9%
POW	Điện	9.0	-5.1%	0.6	918	2.1	1,064	8.5	0.8	12.7%	9.7%
NT2	Điện	19.2	-1.0%	0.5	240	0.2	2,560	7.5	1.3	18.4%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VND	14.40	6.67	0.06	389190.00
VCF	195.00	2.63	0.04	1810.00
QCG	7.29	6.89	0.04	2.08MLN
SHP	23.10	5.96	0.04	10.00
BSI	8.50	5.33	0.02	23750.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	-0.01	-3.45	1.52MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-3.13	1.81MLN	607060.00
GAS	-0.01	-2.62	1.02MLN	373600.00
TCB	-0.01	-1.42	5.63MLN	192700.00
CTG	-0.01	-1.41	8.52MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PIT	5.35	7.00	0.00	2100.00
CLW	27.60	6.98	0.01	100.00
VAF	7.85	6.95	0.01	10.00
HAI	3.55	6.93	0.01	14.58MLN
DQC	13.95	6.90	0.01	199520.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMV	13.95	-7.00	0.00	9040.00
CMG	27.25	-7.00	-0.06	82700.00
TCD	9.44	-7.00	-0.01	620.00
VJC	106.50	-6.99	-1.26	683340.00
PJT	10.00	-6.98	0.00	1560.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	11.10	9.90	1.34	28.79MLN
HHC	92.30	8.84	0.07	100.00
SZB	30.60	9.29	0.04	200.00
VCG	25.00	1.21	0.03	92600.00
KLF	1.60	6.67	0.02	5.71MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.40	-3.31	-1.29	7.84MLN
PVS	12.00	-6.98	-0.22	5.14MLN
VCS	60.00	-4.61	-0.10	370400.00
L14	40.50	-10.00	-0.06	306200.00
SHN	8.90	-4.30	-0.05	7000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

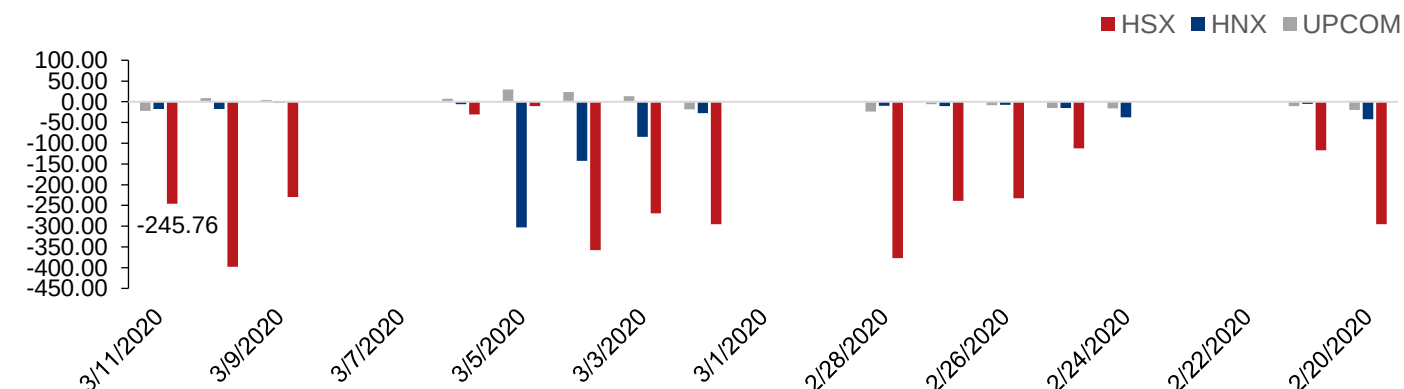
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LM7	6.60	10.0	0.00	1900.00
WCS	166.30	10.0	0.01	9600.00
SHB	11.10	9.9	1.34	28.79MLN
PGN	15.70	9.8	0.00	3500.00
BXH	14.80	9.6	0.00	1000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	-16.67	-0.01	18500.00
HKB	0.60	-14.29	0.00	98900.00
BII	0.70	-12.50	0.00	63400.00
L14	40.50	-10.00	-0.06	306200.00
PVX	0.90	-10.00	-0.02	2.14MLN

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
3	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
7	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
8	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
13	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
15	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	101.6	5,478	18.5	6.4	Click
2	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	10.8	2,736	3.9	0.6	Click
3	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	87.4	8,655	10.1	3.2	Click
4	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	27.1	6,362	4.3	1.0	Click
5	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	50.8	4,631	11.0	2.5	Click
6	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	19.7	2,109	9.3	1.4	Click
7	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	23.6	3,897	6.0	1.1	Click
8	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	89.4	4,668	19.2	3.5	Click
9	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	24.5	4,313	5.7	1.1	Click
10	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	68.6	5,361	12.8	3.4	Click
11	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	10.5	2,421	4.3	0.7	Click
12	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	156.0	14,782	10.6	4.3	Click
13	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	10.1	0	28.8	0.3	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	87.4	8,655	10.1	3.2	Click
15	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	23.4	3,686	6.3	1.4	Click
16	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	10.8	2,736	3.9	0.6	Click
17	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	19.3	2,881	6.7	1.1	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	77.0	5,004	15.4	3.3	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	22.4	7,028	3.2	1.1	Click
20	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	50.8	4,631	11.0	2.5	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2020Q1	3/3/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 20400 ; Giá tại Publish 17800 BSC dự báo KQKD của STK với DTT và LNST đạt lần lượt 2,568.6 tỷ đồng(+15.2% YoY) và 248.4 tỷ đồng (+15.8% YoY) tương đương EPS fw là 3,513 VND/CP, PE fw là 5.1x và PB fw là 1.0x. Chúng tôi giả định (1) DTT sợi tái chế chiếm 50% trong cơ cấu doanh thu thuần (2) Kỳ vọng giá bán sợi bình quân phục hồi 2-5% do các nhà máy sợi của Trung Quốc phải đóng cửa vì dịch SAR-Covid-19 (3) BLNG cải thiện lên 16% nhờ tỉ trọng sợi tái chế tăng và chi phí nguyên vật liệu giảm.
VHC 2020Q1	21/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 35000 ; Giá tại Publish 34450 Năm 2020, BSC dự báo năm 2020 doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của VHC lần lượt đạt 8,645 tỷ (+9.9% YoY) và 956 tỷ (-18.9% YoY) (giảm lần lượt 23.0% và 38.4% doanh thu và lợi nhuận sau thuế so với dự phóng trước). EPS dự phóng 2020 đạt 5,197 VND/cp, tương đương với PE fw 2020 là 6.6. Ảnh hưởng bởi dịch bệnh nCoV khiến nhu cầu tiêu thụ tại thị trường Trung Quốc giảm. Các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu vào Mỹ trong trường hợp thuế POR 15 chính thức là 0% (POR15 sơ bộ đang là 0%).
DRC 2020Q1	20/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.
Express AAA 2020Q1	18/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 15000 ; Giá tại Publish 12350 BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của AAA đạt 9,856 tỷ (+6.7% YoY) với giả định sản lượng bao bì tiêu thụ 100,077 tấn (+5.1% YoY), tỷ lệ khai thác KCN đạt 100%. Biên LNG tăng từ 11.3% lên 11.7%, LNST dành cho cổ đông công ty mẹ đạt 511 tỷ (+9.1% YoY), tương đương EPS = 2,686 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 10%), P/E fw = 4.6 lần (nếu loại trừ LN ước tính từ BDS thì P/E với mảng nhựa là 7.9 lần).
Express GTN 2020Q1	15/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu; Giá tại Publish DT và LN TT hợp nhất năm 2020 dự kiến đạt 2,909 tỷ (-2.1%) và 159 tỷ (tăng 16 lần so với 2019). Ảnh hưởng của nCoV: + Đối với VNM: xuất khẩu vào Trung Quốc vẫn chưa ảnh hưởng do xuất khẩu chính ngạch bằng đường thủy (cảng chưa bị cấm). Đồng thời, có dịch thì người dân Trung Quốc dự kiến tăng tiêu thụ các sản phẩm dinh dưỡng, tăng sức đề kháng. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi kênh trường học do học sinh nghỉ kéo dài. Đối với việc đảo lộn về sản xuất, VNM chỉ có tồn kho 1 tháng nên có thể thay đổi sản lượng sản xuất nhanh.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn